

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2022 ĐẾN NGÀY 30/06/2022**

---

**Tháng 8 năm 2022**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**

Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	09 - 27

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**

Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thành Thái (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Phạm Minh Yên	Chủ tịch
Trịnh Thanh Nhân	Thành viên
Trần Trung Hiếu	Thành viên

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Nguyễn Đức Dũng	Tổng Giám đốc
-----------------	---------------

##### **Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Minh Yên	Chủ tịch hội đồng quản trị
----------------------	----------------------------

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI**

Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2022, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,**



**Nguyễn Đức Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

*Ngày 14 tháng 08 năm 2022*

*Số.05/BCSX-UHYHP*

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 08 năm 2022, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

***Vấn đề khác***

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét bởi một Công ty kiểm toán khác và Công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về Báo cáo này vào ngày 13 tháng 8 năm 2021. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty cũng được Công ty kiểm toán này thực hiện kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần vào ngày 21/03/2022.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**



**Nguyễn Hồng Hiền**

**Giám đốc Chi nhánh**

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 1117-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN**

**UHY - CHI NHÁNH HÀI PHÒNG**

*Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2022*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

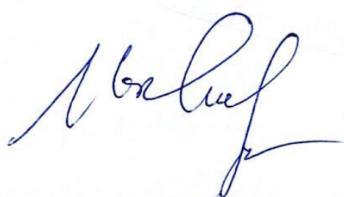
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>155.328.704.036</b>	<b>263.516.498.471</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>169.023.764</b>	<b>499.835.059</b>
1. Tiền	111		169.023.764	499.835.059
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>89.328.910.000</b>	<b>143.795.805.865</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		120.868.991.939	131.286.444.715
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(31.540.081.939)	(1.490.638.850)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	14.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>27.016.477.151</b>	<b>61.205.200.913</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	20.459.266.071	14.062.945.987
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	7.829.627.996	41.700.541.471
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		15.000.000	6.729.130.371
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.287.416.916)	(1.287.416.916)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>35.422.924.338</b>	<b>52.101.230.488</b>
1. Hàng tồn kho	141		35.422.924.338	52.101.230.488
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.391.368.783</b>	<b>5.914.426.146</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		110.053.892	121.779.212
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.652.044.491	3.907.483.534
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	9	1.629.270.400	1.885.163.400
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.812.796.018</b>	<b>10.682.160.568</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.077.860.751</b>	<b>5.739.019.880</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.741.126.099	4.341.060.736
- Nguyên giá	222		28.727.012.736	28.727.012.736
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.985.886.637)	(24.385.952.000)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	1.336.734.652	1.397.959.144
- Nguyên giá	228		3.177.697.312	3.177.697.312
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.840.962.660)	(1.779.738.168)
<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>
1. Đầu tư tài chính dài hạn khác	253		3.000.000.000	4.000.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>734.935.267</b>	<b>943.140.688</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		734.935.267	943.140.688
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>164.141.500.054</b>	<b>274.198.659.039</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

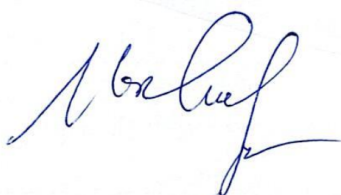
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>118.370.234.168</b>	<b>200.674.586.809</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>118.370.234.168</b>	<b>200.674.586.809</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		5.452.506.624	268.749.130
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	98.122.191	29.235.466.530
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	-	347.412.924
4. Phải trả người lao động	314		-	503.755.441
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	59.297.349
6. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		461.178.518	93.222.599
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	111.773.455.272	169.491.771.273
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		584.971.563	674.911.563
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>45.771.265.886</b>	<b>73.524.072.230</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>45.771.265.886</b>	<b>73.524.072.230</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		52.000.000.000	52.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		52.000.000.000	52.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(2.696.860.498)	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.200.000.000	5.200.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	415		(2.817.747)	(7.774.838.245)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.301.511.824	1.301.511.824
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(10.030.567.693)	22.797.398.651
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421		17.722.238.651	17.055.349.670
- LNST chưa phân phối năm nay	421		(27.752.806.344)	5.742.048.981
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>164.141.500.054</b>	<b>274.198.659.039</b>



**Mạc Thị Nhung**  
Người lập biểu  
Ngày 14 tháng 08 năm 2022



**Mạc Thị Nhung**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Đức Dũng**  
Tổng Giám đốc

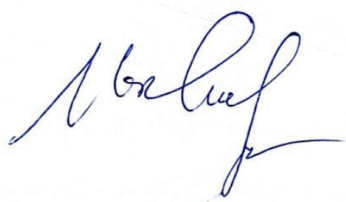


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

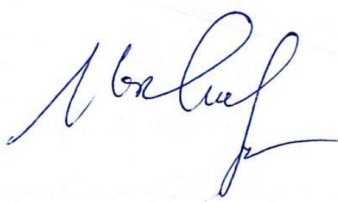
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		138.629.563.321	225.489.295.406
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	16	138.629.563.321	225.489.295.406
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	132.238.005.015	212.071.328.511
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		6.391.558.306	13.417.966.895
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	5.684.323.597	178.955.494
7. Chi phí tài chính	22		36.138.487.281	(2.263.198.259)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.703.698.399	337.813.961
8. Chi phí bán hàng	25	20	1.721.228.486	2.575.637.034
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	2.216.334.105	2.957.091.924
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(28.000.167.969)	10.327.391.690
11. Thu nhập khác	31		249.915.578	40.024.039
12. Chi phí khác	32		2.553.953	216.992
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	21	247.361.625	39.807.047
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(27.752.806.344)	10.367.198.737
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	2.073.439.747
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		(27.752.806.344)	8.293.758.990
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(5.653)	619



Mạc Thị Nhung  
Người lập biểu  
Ngày 14 tháng 08 năm 2022



Mạc Thị Nhung  
Kế toán trưởng

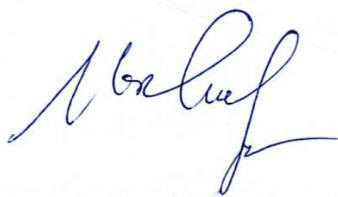


Nguyễn Đức Dũng  
Tổng Giám đốc

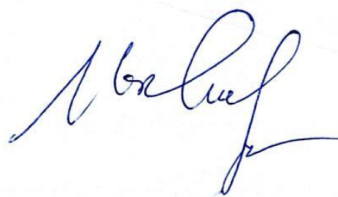
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	117.241.731.715	235.136.133.532
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	14.362.336.327	(215.312.708.746)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.683.850.000)	(3.450.825.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(2.504.566.826)	(134.720.388)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(347.412.924)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.652.228.630	69.321.945.460
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.380.871.256)	(50.616.028.104)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>131.339.595.666</b>	<b>34.943.796.754</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.966.089.124)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	6.168.481.650	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(19.021.589.329)	(12.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	34.000.000.000	2.055.482.191
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	676.310.614	113.780.062
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>15.857.113.811</b>	<b>(9.830.737.747)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	71.950.000.000	67.631.310.200
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(219.477.520.772)	(90.756.244.652)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(7.976.464.260)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(147.527.520.772)</b>	<b>(31.101.398.712)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(330.811.295)</b>	<b>(5.988.339.705)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>499.835.059</b>	<b>9.715.054.616</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>169.023.764</b>	<b>3.726.714.911</b>



**Mạc Thị Nhung**  
Người lập biểu  
Ngày 14 tháng 08 năm 2022



**Mạc Thị Nhung**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Đức Dũng**  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thành Thái là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0200412681 đăng ký lần đầu ngày 02/01/2001 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ 15 ngày 21/12/2021.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là KKC.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 là: 52.000.000.000 đồng.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác; Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu hàng hóa, thiết bị phụ tùng và các sản phẩm kim khí; Dịch vụ vận chuyên, bốc xếp, cho thuê văn phòng, kho bãi. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng dịch vụ khác; Kinh doanh lương thực, thực phẩm, hàng nông-lâm-thủy sản, vật liệu xây dựng, sắt thép phế liệu, thiết bị điện-điện tử, thiết bị buro chính viễn thông; Sản xuất và chế tạo thiết bị nâng hạ; Sản xuất và kinh doanh thép các loại; Vận tải và đại lý vận tải hàng hóa thủy bộ; Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa và phá dỡ tàu cũ; Sản xuất và kinh doanh khí công nghiệp

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh sắt thép các loại

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trong vòng 12 tháng.

**2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 hàng năm theo quy định.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:***

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty phản ánh các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)**

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 15
Thiết bị quản lý	03 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 10

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần cho toàn bộ thời gian thuê tại An Hồng, An Dương, Hải Phòng.

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu:*** Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

***Thặng dư vốn cổ phần:*** Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	2.470.430	113.871.106
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	166.553.334	385.963.953
<b>Cộng</b>	<b>169.023.764</b>	<b>499.835.059</b>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>	-	-	<b>14.000.000.000</b>	<b>14.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (1)	-	-	14.000.000.000	14.000.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>
Trái phiếu (2)	3.000.000.000	3.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>18.000.000.000</b>

(1) Tiền gửi có kỳ đầu kỳ hạn phản ánh khoản tiền gửi có thời gian đáo hạn 12 tháng tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngô Quyền được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Ngô Quyền.

(2) Phản ánh trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2017, Công ty sở hữu 300 trái phiếu có mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu, lãi suất thả nổi và được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,2%/năm, hình thức: trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức ghi sổ, thời hạn 10 năm từ ngày 14 tháng 11 năm 2017 đến ngày 14 tháng 11 năm 2027. Khoản trái phiếu được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Ngô Quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Chứng khoán kinh doanh*

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (PLX)	-	-	-	10.417.452.775
Tập đoàn Vingroup - CTCP (VIC)	165.100	17.191.648.850	(5.299.428.851)	17.191.648.850
Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM)	1.305.500	103.677.343.089	(26.240.653.088)	103.677.343.090
<b>Cộng</b>	<b>1.470.600</b>	<b>120.868.991.939</b>	<b>(31.540.081.939)</b>	<b>131.286.444.715</b>

Đến ngày 08 tháng 07 năm 2022, Công ty đã bán toàn bộ chứng khoán thu về 213.197.362.776 đồng, lỗ 31.540.081.939 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<b>13.730.051.597</b>	<b>528.812.818</b>
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Đại Phúc	13.115.729.979	-
Công ty TNHH Sản xuất và TM Thép Bắc Việt	5.940.212.374	12.745.131.069
Doanh nghiệp tư nhân Phương Lưu	789.002.100	789.002.100
Đối tượng khác	614.321.618	528.812.818
<b>Cộng</b>	<b>20.459.266.071</b>	<b>14.062.945.987</b>
<i>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i> (Chi tiết xem tại thuyết minh 23)		

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	<b>656.650.000</b>	<b>41.700.541.471</b>
Công ty TNHH TM Kim Khí XNK Huy Hoàng	-	39.291.425.032
Công ty TNHH Nhựa Hoàng Trâm	7.172.977.996	-
Đối tượng khác	656.650.000	2.409.116.439
<b>Cộng</b>	<b>7.829.627.996</b>	<b>41.700.541.471</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa	35.422.924.338	-	52.101.230.488	-
<b>Cộng</b>	<b>35.422.924.338</b>	<b>-</b>	<b>52.101.230.488</b>	<b>-</b>

Toàn bộ hàng hóa tồn kho được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng như trình bày tại Thuyết minh số 13.

**9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
<i>Phải thu</i>				
Thuế TNCN	41.152.200	4.900.000	-	36.252.200
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.844.011.200	263.359.000	12.366.000	1.593.018.200
<b>Cộng</b>	<b>1.885.163.400</b>	<b>268.259.000</b>	<b>12.366.000</b>	<b>1.629.270.400</b>
<i>Phải nộp</i>				
Thuế TNDN	347.412.924	-	347.412.924	-
<b>Cộng</b>	<b>347.412.924</b>	<b>-</b>	<b>347.412.924</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**10. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày đầu năm	15.667.228.810	4.636.602.637	8.186.273.301	33.445.455	203.462.533	28.727.012.736
Tại ngày cuối kỳ	15.667.228.810	14.618.084.117	8.186.273.301	33.445.455	203.462.533	28.727.012.736
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày đầu năm	12.182.615.196	4.423.249.171	7.675.512.117	33.445.455	71.130.061	24.385.952.000
Khấu hao trong năm	345.882.132	61.431.453	221.675.089	12.300.000	5.994.033	647.282.707
Tại ngày cuối kỳ	12.528.497.328	4.484.680.624	7.899.067.436	45.745.455	77.124.094	24.985.886.637
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	3.484.613.614	213.353.466	510.761.184	-	132.332.472	4.341.060.736
Tại ngày cuối kỳ	3.138.731.482	10.133.403.493	297.205.865	(12.300.000)	126.338.439	3.741.126.099

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022 là 19.648.827.759 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 17.648.852.304 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 3.454.332.400 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 3.854.508.718 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>
	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày đầu năm	3.177.697.312
Tại ngày cuối kỳ	3.177.697.312
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày đầu năm	1.779.738.168
Khấu hao trong năm	61.224.492
Tại ngày cuối kỳ	1.840.962.660
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu năm	1.397.959.144
Tại ngày cuối kỳ	1.336.734.652

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, Công ty đã thế chấp tài sản để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

**12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>98.122.191</b>	<b>29.235.466.530</b>
Công ty Cổ phần Thành Đức Holding	-	29.130.623.940
Công ty TNHH Thiết bị điện Liên Gia	48.206.902	-
Đối tượng khác	49.915.289	104.842.590
<b>Cộng</b>	<b>98.122.191</b>	<b>29.235.466.530</b>

*Người mua trả trước là các bên liên quan  
(Chi tiết xem tại thuyết minh 23)*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	VND	VND	trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>111.773.455.272</b>	<b>111.773.455.272</b>	<b>412.383.485.749</b>	<b>470.101.801.750</b>	<b>169.491.771.273</b>	<b>169.491.771.273</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Ngô Quyền (1)	3.042.165.988	3.042.165.988	62.975.119.592	131.755.554.870	71.822.601.266	71.822.601.266
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (2)	13.875.000.000	13.875.000.000	15.000.000.000	23.161.815.902	22.036.815.902	22.036.815.902
Công ty Cổ phần chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (3)	51.531.479.034	51.531.479.034	242.533.555.907	266.634.430.978	75.632.354.105	75.632.354.105
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Phòng (4)	19.924.810.250	19.924.810.250	19.924.810.250	-	-	-
Vay cá nhân (5)	23.400.000.000	23.400.000.000	71.950.000.000	48.550.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>111.773.455.272</b>	<b>111.773.455.272</b>	<b>412.383.485.749</b>	<b>470.101.801.750</b>	<b>169.491.771.273</b>	<b>169.491.771.273</b>

(1) Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021-HĐCVHM/NHCT168-KIMKHIKCC ngày 07/07/2021 thay thế cho Hợp đồng tín dụng số 01/2020-HĐTDHM168-KIMKHIKCC ngày 07/07/2020 và các phụ lục kèm theo, tổng hạn mức quy đổi ra đồng Việt Nam không vượt quá 80 tỷ đồng, mục đích vay dùng bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Số tiền vay, lãi suất, kỳ hạn theo từng kế ước nhận nợ cụ thể. Công ty sử dụng trái phiếu (như trình bày tại thuyết minh số 5) và toàn bộ tài sản kiến trúc, công trình trên đất tại cơ sở Cầu Kiền cùng máy móc thiết bị và toàn bộ hàng tồn kho hình thành từ vốn vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền để đảm bảo cho khoản vay trên (Như trình bày tại Thuyết minh số 10).

(2) Vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng cấp tín dụng số HPG201912476620/HDDTD ngày 22/04/2019, phụ lục hợp đồng tín dụng số HPG201912376620/HDDTD/PL04 ngày 28/06/2021 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số HPG201912476620/HDDTD ngày 02/11/2021, hạn mức tín dụng là 130 tỷ đồng trong đó: hạn mức cho vay là 100 tỷ đồng, hạn mức L/C là 130 tỷ đồng trừ dư hạn mức cho vay (trong đó hạn mức phục vụ kinh doanh sắt thép xây dựng tối đa là 60 tỷ đồng). Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thép (trừ thép phế). Lãi suất cho vay theo từng lần giải ngân được quy định cụ thể trên Đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ được lập theo mỗi lần rút vốn vay nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu do Ngân hàng quy định tại từng thời kỳ theo từng đối tượng khách hàng. Tài sản đảm bảo là toàn bộ hàng tồn kho hình thành từ vốn vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- (3) Vay Margin tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) theo hợp đồng mở tài khoản giao dịch ngày 16/12/2020.
- (4) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 19513.22.251.2371377.TD ngày 24/05/2022, tổng hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, với mục đích vay dùng bổ sung vốn lưu động để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh lĩnh vực thương mại ngành thép. Lãi suất cho vay trong hạn của Khoản nợ là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ hoặc lãi suất thả nổi được quy định tại giấy nhận nợ. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay trên.
- (5) Phản ánh khoản vay bà Thái Quỳnh Trâm theo hợp đồng vay số 01/HĐV/TT-TQT ngày 17/03/2022 với thời hạn vay 12 tháng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, lãi suất 4,3%/năm.

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số đầu kỳ trước	52.000.000.000	52.000.000.000	5.200.000.000	-	-	(7.774.838.245)	1.301.511.824	25.032.259.227	75.758.932.806	-	5.742.049.424	5.742.049.424	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(7.976.910.000)	(7.976.910.000)	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(27.752.806.344)	(27.752.806.344)
Số đầu kỳ nay	52.000.000.000	52.000.000.000	5.200.000.000	-	-	(7.774.838.245)	1.301.511.824	22.797.398.651	73.524.072.230	-	(5.075.160.000)	(5.075.160.000)	-	-
Lợi nhuận trong kỳ (Giảm) cổ phiếu quỹ (*)	-	-	-	-	(2.696.860.498)	7.772.020.498	-	-	-	-	-	-	(27.752.806.344)	-
Số cuối kỳ nay	52.000.000.000	52.000.000.000	5.200.000.000	-	(2.696.860.498)	(2.817.747)	1.301.511.824	(10.030.567.693)	45.771.265.886	-	-	-	-	-

(\*) Theo Nghị quyết hội đồng cổ đông bất thường số 01.9/2021/NQ-HĐCĐ ngày 28/09/2021, Công ty thực hiện phân phối 507.516 cổ phiếu quỹ để thưởng cho cổ đông hiện hữu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện hành, vốn điều lệ của công ty là 52.000.000.000 đồng.

Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm ngày 30/06/2022 như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty CP Tập đoàn T&D Group	44.553.690.000	85,68	4.680.000.000	9,00
Trần Tuấn Linh	-	-	8.230.000.000	15,83
Phạm Khánh Chi	-	-	7.867.020.000	15,13
Bùi Thị Phương Ngân	-	-	3.047.000.000	5,86
Cổ đông khác	7.446.310.000	14,32	28.175.980.000	54,18
<b>Cộng</b>	<b>52.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>52.000.000.000</b>	<b>100</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	52.000.000.000	52.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	52.000.000.000	52.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ (Cổ phiếu)	Số đầu năm (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.200.000	5.200.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông	5.200.000	5.200.000
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	184	507.700
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.199.816	4.692.300
- Cổ phiếu phổ thông	5.199.816	4.692.300

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**15. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ (USD)	603,23	599,66

**16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06</u>	
	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
<b><i>Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ trong năm</i></b>	<b><i>138.629.563.321</i></b>	<b><i>225.489.295.406</i></b>
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	128.239.886.537	215.751.655.671
Doanh thu bán các thành phẩm	-	9.737.639.735
Doanh thu khác	10.389.676.784	-
<i>Các khoản giảm trừ</i>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>138.629.563.321</b>	<b>225.489.295.406</b>
<b><i>Doanh thu với các bên liên quan</i></b> <i>(Chi tiết xem tại thuyết minh 23)</i>		

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06</u>	
	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
<b><i>Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ trong năm</i></b>	<b><i>132.238.005.015</i></b>	<b><i>212.071.328.511</i></b>
Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ	124.367.239.229	204.164.901.471
Giá vốn các thành phẩm	-	7.906.427.040
Giá vốn hoạt động khác	7.870.765.786	-
<b>Cộng</b>	<b>132.238.005.015</b>	<b>212.071.328.511</b>

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06</u>	
	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	676.310.614	113.780.062
Lãi nhận từ chia cổ tức	2.611.000.000	-
Lãi từ bán chứng khoán	2.290.507.224	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	106.505.759	65.175.432
<b>Cộng</b>	<b>5.684.323.597</b>	<b>178.955.494</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	5.703.698.399	337.813.961
Lỗ chênh lệch tỷ giá	56.449.253	149.560.000
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	30.049.443.089	-
Chi phí bán chứng khoán	328.896.540	32.317.780
<b>Cộng</b>	-	(2.782.890.000)
	<b>36.138.487.281</b>	<b>(2.263.198.259)</b>

**20. CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ I**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	<b>2.216.334.105</b>	<b>2.957.091.924</b>
Chi phí nhân viên	1.194.060.411	1.711.899.621
Chi phí khấu hao TSCĐ	215.553.414	215.553.414
Thuế, phí và lệ phí	267.359.000	129.496.778
Chi phí dịch vụ mua ngoài	539.361.280	870.543.069
Chi phí dự phòng	-	954.042
Các khoản chi phí QLDN khác	-	28.645.000
<i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i>	<b>1.721.228.486</b>	<b>2.575.637.034</b>
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	209.091	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	445.605.715	59.158.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	499.558.758	-
Chi phí nhân viên	751.118.810	1.089.857.800
Chi phí khác	24.736.112	1.426.620.446

**21. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Thu nhập khác</i>	<b>249.915.578</b>	<b>40.024.039</b>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	249.740.596	-
Tiền phạt thu được	-	40.000.000
Các khoản khác	174.982	24.039
<i>Chi phí khác</i>	<b>2.553.953</b>	<b>216.992</b>
Các khoản chi phí khác	2.553.953	216.992
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>247.361.625</b>	<b>39.807.047</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b> <b>(Trình bày lại)</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế</b>	<b>(27.752.806.344)</b>	<b>8.293.758.990</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu</i>	-	(5.075.160.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	(27.752.806.344)	3.218.598.990
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	4.909.404	5.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(5.653)</b>	<b>619</b>

(\*) Số lượng Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 đã được điều chỉnh để phản ánh việc chia cổ tức cho cổ đông bằng cổ phiếu quỹ trong năm 2022.

**23. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực kinh doanh hàng hoá tại Thành phố Hải Phòng.

**24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan:**

Công ty CP Tập đoàn T&D Group  
Công ty Cổ phần Thành Đức Holding

**Bản chất bên liên quan**  
Cùng Thành viên ban lãnh đạo, Công ty mẹ  
Cùng Thành viên ban lãnh đạo

*Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:*

	<b>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty CP Tập đoàn T&amp;D Group</b>		
Bán hàng hóa, dịch vụ	10.101.647.536	-
<b>Công ty Cổ phần Thành Đức Holding</b>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	19.363.334.760	-
Bán hàng hóa, dịch vụ	58.527.232.318	-

*Số dư với các bên liên quan:*

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Thành Đức Holding</b>		
Phải thu về thương mại	66.528.000	-
Khách hàng ứng trước	-	29.130.623.940

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

*Tiền lương và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác:*

Họ và tên	Chức danh	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
		Năm nay VND	Năm trước VND
Nguyễn Đức Dũng	Tổng giám đốc	130.250.000	-
Đoàn Trung Hà	Tổng giám đốc	-	392.300.000
Mạc Thị Nhung	Kế toán trưởng, Người công bố thông tin	139.684.020	210.550.000

**25. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác và báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được soát xét bởi Công ty kiểm toán khác.

Mạc Thị Nhung  
Người lập biểu  
Ngày 14 tháng 08 năm 2022

Mạc Thị Nhung  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Dũng  
Tổng Giám đốc